TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2025
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Kim Ra Rinh
2.Ông Huỳnh Văn Đương
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/4/2025, và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(Xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Dương Thị Kim T trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị và anh Trần Văn T1 tự nguyện cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn thương nhau nên đã ly thân từ đó cho đến nay Nay chị thấy sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T1 .

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tiểu L sinh ngày 22/11/2010 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Trần Văn T1, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh T1 vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay chị T xin xét xử vắng mặt do đi làm xa, không về được, phía anh T1 vẫn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh T1. Về con chung: Trần Tiểu L sinh ngày 22/11/2010 có nguyện vọng sống chung với chị T, chị T có yêu cầu được nuôi con chung, nên đề nghị chấp nhận giao con cho chị T tiếp tục nuôi. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị T và anh T1 là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Kim T và anh Trần Văn T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17/4/2009 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu của T xin ly hôn anh T1, theo lời khai của chị T là sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về lối sống, cách ứng xử, giao tiếp và tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, sống không hạnh phúc nên ly thân khoảng 05 năm nay mà không hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn là tự nguyện nên Toà chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên Trần Tiểu L sinh ngày 22/11/2010 từ khi vợ chồng ly thân, chị T nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu L có nguyện vọng sống chung với chị T và chị T có yêu cầu được nuôi con chung, vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Kim T được ly hôn anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao con tên Trần Tiểu L sinh ngày 22/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011657 ngày 18/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh